ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Cung Kính Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

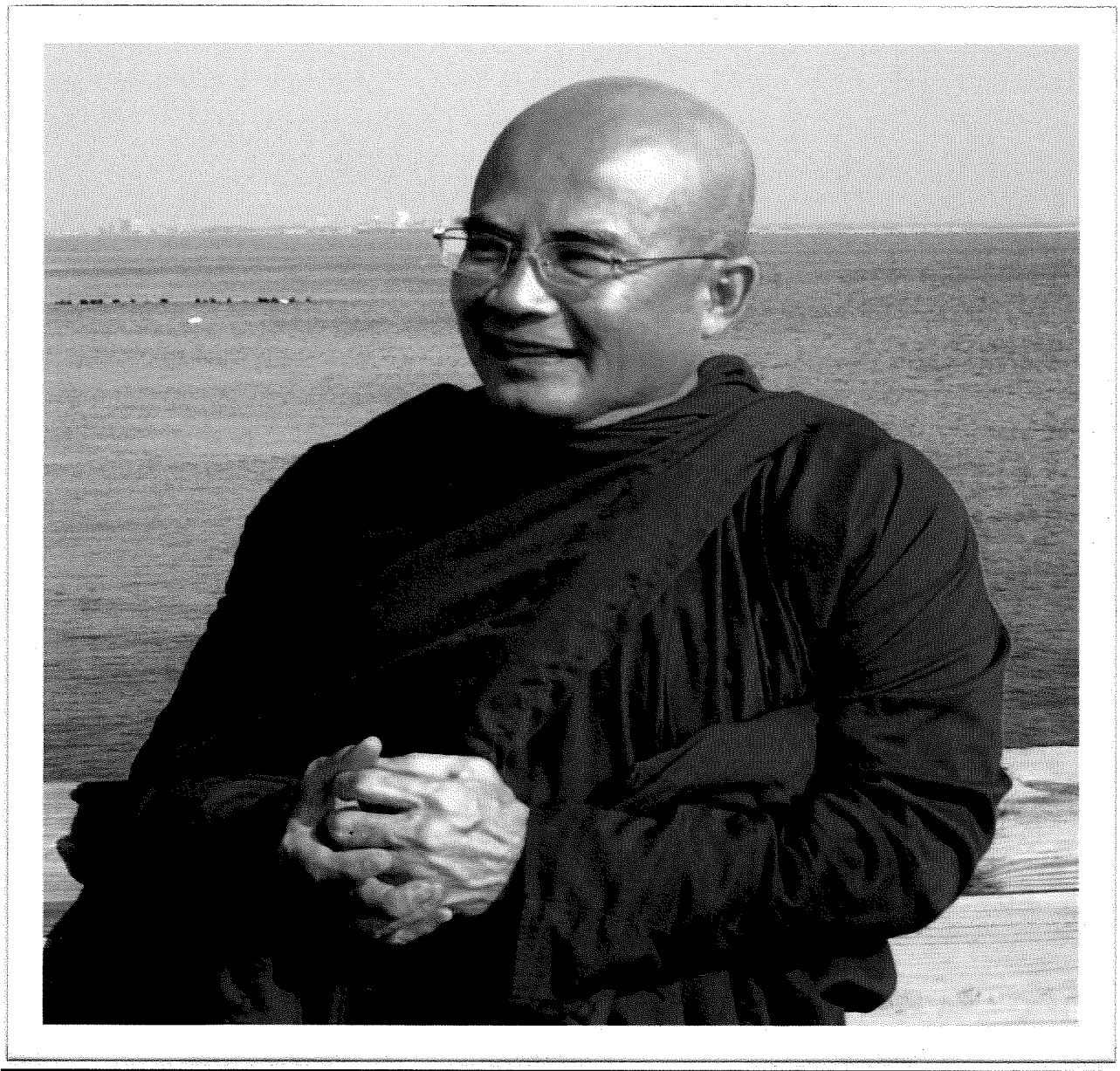

Dịch Giả: Bhikkhu PASÀDO – SÁN NHIÊN

I. CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG HỢP TÂM (*CITTASAṄGAHA*)

Lời đảnh lễ và phát nguyện của Trưởng Lão **ANURUDDHA:**

"Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammagantttamaṃ
abhivādiyabhāsissaṃ Abhidhammaṭṭha saṅgahaṃ".

Đệ tử xin nghiêng mình thành kính đảnh lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí thượng, cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo là soạn tác bộ kinh có tên gọi là "Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp".

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ trên trình bày việc đảnh lễ, tỏ lòng tôn kính đến Ân Đức Tam Bảo và phát nguyện sẽ soạn tác bộ kinh này cho được thành tựu tốt đẹp. Theo lẽ thường, khi bắt đầu soạn tác kinh điển thì tác giả tỏ lòng tôn kính đến Tam Bảo hầu đem lại mọi điều an lành trong việc soạn tác.

Ngài Trưởng Lão **ANURUDDHA** tỏ bày tôn kính Tam Bảo với câu kệ rằng:
"*Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammaganuttamaṃ abhivādiya - Chánh Đẳng Giác chí thượng- Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao thượng*" sau khi đảnh lễ, là thệ nguyện với câu "*tôi sẽ nói đến Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp - bhāsissaṃ Abhidhammattha- saṅgahaṃ.*"

Khi phân tích câu kệ này có được sáu từ ngữ là:

- "*Chánh Đẳng Giác- Chí Thượng – Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao thượng – tôi sẽ nói đến - Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*".
- *Sammāsambuddhaṃ* - Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc tự giác ngộ Chánh Pháp một cách hoàn hảo, không phải là Bậc Độc Giác và Thinh Văn Giác.
- *Atulaṃ* – Chí thượng cao cả, không thể so sánh được.

Tại đây, Ngài **ANURUDDHA** nghĩ đến ân đức Phật với sự hiện hữu của Ngài trong thế gian là duy nhứt, chỉ có một Bậc Chánh Đẳng Giác, không thể có hai trong cùng một thời kỳ.
Từ ngữ "*Atulaṃ - bất tỷ giảo*" là rất thích hợp.

Khác biệt với Chư Độc Giác và Thinh Văn Giác còn có thể so sánh được và số lượng không hạn định trong mỗi thời kỳ hiện hữu trong thế gian.

- *Sasaddhammagaṇuttamaṃ* – Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng.

Gồm có hai từ ngữ kết hợp là : "*Sasaddhamma + Ganuttamaṃ" = Chánh Pháp + Chư Tăng cao thượng.*

Chánh Pháp gồm có ba:

1/ Pháp Học gồm có Tam Tạng và Chú Giải,

2/ Pháp Hành là việc trì giới, hành đầu đà, tu tập Chỉ Nghiệp Xứ và Quán Nghiệp Xứ,

3/ Pháp Thành là Thiền Định, Thắng Trí, Đạo - Quả, Níp Bàn.

- *Abhivādiya* - Lời tôn kính đối với Tam Bảo.
- *Bhāsissaṃ* - Lời phát nguyện sẽ soạn tác.
- ***Abhidhammatthasaṅgahaṃ - Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp,*** là tên của bộ kinh này sẽ được soạn tác.

Tên gọi của bộ kinh là do gom góp nội dung trong bảy bộ Vô Tỷ Pháp một cách tóm lược vào trong kinh điển này.

Khi phân tách "*Abhidhammattasaṅgaha*" có được bốn từ ngữ là: *Abhidhamma + attha + saṅ + gaha.*

- *Abhidhamma* – Pháp vi diệu, thù thắng, đặc biệt, vô tỷ. Gồm có bảy bộ.
- *Attha* - Nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp: là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.
- *Saṃ* – Tóm lược, giản lược.
- *Gaha* - Việc gom góp, tập hợp.

Và kết hợp cả bốn từ ngữ này thành "***Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*** – *Abhidham -matthasaṅgaha*" là gom góp tất cả *Tâm,Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định* mà Đức Phật đã thuyết trong Tạng Vô Tỷ Pháp tóm lược vào trong bộ kinh điển này; các bậc giáo sư đã gọi bộ kinh này là "*Chú Giải Vỉ Chỉ*" (ngón tay út).

BỐN PARAMATTHADHAMMA – BỐN PHÁP SIÊU LÝ

Tattha vuttābhidhammatthā	*Ở đây được nói đến*
Catudhā paramatthato	*Nội Dung Vô Tỷ Pháp*
Cittaṃ cetasikaṃ rūpaṃ	*Có bốn Pháp Siêu Lý*

Nibbānamīti sabbathā. *Tâm,Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn.*

Theo *Nội Dung Vô Tỷ Pháp* là có bốn pháp Siêu Lý: *Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp* và *Níp Bàn.*

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ này là Giáo Sư **ANURUDDHA** trình bày theo thứ tự về bốn Pháp Siêu Lý trong bộ kinh này.

- *Paramattha* – chia ra thành hai từ ngữ: *Parama + Attha.*
- *Parama* – Pháp vi diệu, không thể biến chuyển sai khác, là Pháp căn bản chủ yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- *Attha* - Nội dung, là thực tính của Danh Sắc, chính là chi pháp vậy.

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại, là thực tính của Danh Sắc, là chi pháp vi diệu không thể biến đổi sai khác và là Pháp căn bản chủ yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định, và như thế gọi là Siêu Lý.

Tóm lại, *Paramattha* (*Pháp Siêu Lý*) gồm ba ý nghĩa:

1/ Không bao giờ thay đổi *(parama aviparito):* thường hằng, bất biến, trước sau đều giống nhau, không sai khác. Quá khứ, hiện tại và vị lai đều không thay đổi.

2/ Đối tượng của trí tuệ cao siêu: nghĩa lý cao siêu, chân lý vi diệu (niệm theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế,v.v)

3/ Chủ bản thể của Pháp Chế Định: Tạo tác hiện bày các Pháp Chế Định (Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định).

Bậc Chánh Đẳng Giác thường thuyết Giáo Pháp theo Chân Thực Tính với hai thể loại là:

- Thuyết Pháp theo thực tính của thành ngữ phổ thông gọi là Tục Đế (*Sammutisacca*); là Luật, Kinh, bộ Nhân Chế Định.
- Thuyết Pháp theo sự chắc thật của Chân Thực Tính gọi là Siêu Lý Đế (*Paramatthasacca*); là sáu bộ Tạng Vô Tỷ Pháp, trừ bộ Nhân Chế Định.

Trong Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh - ở bộ *Manorathapurani atthakathā* có dẫn chứng như sau:

Dve saccāni akkhā si *Sambuddho vadataṃ varo*
Sammutiṃ paramattahañca *Tatiyaṃnupalabbhati*

Bậc Chánh Đẳng Giác chỉ thượng hơn các bậc hiền triết thuyết giảng chỉ có hai thể loại là Tục Đế và Siêu Lý Đế; không có thuyết Pháp Chân Thật đến ba thể loại.

Việc thuyết giảng theo hai thể loại trên nhằm lợi ích đến tất cả chúng sanh khả huấn luyện.

Thuyết giảng theo Tục Đế với những chúng sanh chưa từng nghe và học hỏi với Pháp Thực Tính Siêu Lý ở các đời quá khứ; thuyết giảng đơn giản với các vấn đề mà có thể lãnh hội dễ dàng thì Đức Phật thường thuyết giảng trước và sau đó là thuyết Siêu Lý Đế để tỏ ngộ rốt ráo là phần sau cùng.

Với những chúng sanh đã từng nghe và học hỏi Vô Tỷ Pháp trong những đời trước thì Đức Phật thường thuyết Siêu Lý Đế để lãnh hội với trí tuệ đầy đủ.

Ở phần Tục Đế có hai trường hợp là:

- Trường hợp mà Đức Phật thuyết giảng trong phần Luật Tạng và Kinh Tạng.
- Trường hợp mà dân gian xữ dụng trao đổi với nhau.

Cả hai trường hợp Tục Đế kể trên, cũng là sự thật nhưng chỉ là sự thật theo thành ngữ phổ thông, không là sự thật theo Pháp Thực Tính được, chẳng qua chỉ là một sự chân thật để thoát khỏi sự vi phạm vọng ngữ. Do đó, Đức Phật thuyết giảng thể loại Tục Đế trong Luật và Kinh, hoặc tất cả dân gian quen xử dụng nói chuyện với nhau là để không vi phạm vọng ngữ một chút nào.

Như có dẫn chứng Pālī trình bày trong Chú Giải Tăng Chi như sau:

Tasmā vohārakusalassa Sammutiṃ voharantassa
Lokanāthassa jantuno Musāvādo na jāyati.

Do nguyên nhân đã được nói đến, Bậc Chánh Đẳng Giác - Bậc Tài Trí trong thành ngữ phổ thông và nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh, khi thuyết giảng Tục Đế không thành vọng ngữ một thể loại nào.

<u>*PARAMATTHASACCA – SIÊU LÝ ĐẾ,* có hai thể loại:</u>

- ***Sabhāvasacca - Thực Tính Đế*:** Pháp thực tính theo thực tướng; tức là Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, v.v., được trình bày trong Tạng Vô Tỷ Pháp.
- ***Ariyasacca – Thánh Đế*:** Pháp thực tính một cách đặc biệt của Bậc Thánh Nhân; tức là Tứ Thánh Đế có Khổ Đế, v.v.

Như vậy, trong câu kệ "*Tattha vuttābhidhammatthā*" này, Giáo Sư **ANURUDDHA** đã trình bày theo phần Siêu Lý Đế.

CITTAPARAMATTHA- TÂM SIÊU LÝ

Citta – Tâm, là Pháp biết Cảnh *(Ārammanavijānanalakkhanaṃ)* là thường luôn tiếp thâu Cảnh, do vậy gọi là biết Cảnh.

Như Chú Giải có trình bày "*Ārammana cintetīti = Cittaṃ - Pháp nào thường biết Cảnh, là thường luôn tiếp thâu được Cảnh, như thế Pháp ấy gọi là Tâm.*"

Hoặc một trường hợp khác là "*Cintenti sampayutta dhammā etenāti = Cittaṃ - Pháp tương ưng là tất cả Tâm Sở thường biết Cảnh bởi nương nhờ Pháp đó".*

Do đó, Pháp mà thành nhân từ nơi việc biết Cảnh của những Tâm Sở, gọi là Tâm.

Hoặc một trường hợp khác là "*Cintanamattaṃ = Cittaṃ- Pháp mà biết Cảnh, chính là tiếp thâu được Cảnh, gọi là Tâm".*

Hoặc một trường hợp khác là "*Cittī karotīti = Cittaṃ-Pháp mà tạo sự sai biệt trong sinh hoạt của tất cả chúng sanh, như thế Pháp ấy gọi là Tâm".*

- Sự vật hoàn toàn không có sanh mạng mà tốt đẹp rõ ràng cũng do mãnh lực từ nơi Tâm; Tâm là người làm khởi lên sự tốt đẹp rõ ràng.
- Tất cả chúng sanh có sự tốt đẹp cũng do xuất sinh tốt đẹp, xuất sinh tốt đẹp cũng do thực hiện Thân, Lời và Ý tốt đẹp, việc thực hiện Thân Lời Ý tốt đẹp cũng do Ái là sự ưa thích tốt đẹp.
- Ái tốt đẹp cũng do Tưởng là sự nghĩ nhớ các sự kiện tốt đẹp.
- Tưởng tốt đẹp cũng do Tâm tốt đẹp.

Như có Pàlì trình bày trong *Paramatthadīpanī* như vầy:

"*Cittavicittatāya sannāvicittā, sannāvicittatāya tanhāvicittā, tanhāvicittāya kammānivicittāni, kammanivicittātaya yoniyo vicittā, yonivicittatāya tesaṃ tiracchānagatānaṃ vicittatā veditabbā".*

Nên biết rằng sự tốt đẹp của những súc sanh là do bởi xuất sinh tốt đẹp. Xuất sinh tốt đẹp là do thực hiện phần Thân Lời Ý tốt đẹp. Việc thực hiện Thân Lời Ý tốt đẹp là bởi do Ái là sự ưa thích tốt đẹp. Ái tốt đẹp là bởi do Tưởng là sự nghĩ nhớ những sự kiện tốt đẹp. Tưởng tốt đẹp cũng bởi do Tâm tốt đẹp."

Qui nạp nội dung Pháp Thể của Tâm có ba trường hợp:

1/ Thường luôn tiếp thâu được Cảnh.

2/ Thành nhân cho tất cả Tâm Sở được biết Cảnh, tựa như người dẫn dắt.

1. Làm cho các vật có sanh mạng và không có sanh mạng được tốt đẹp rõ ràng.

Theo ***ATTHAKATHÀ (Chú Giải)*** có chú giải Tâm như sau:
1. *Trạng thái*: Là biết cảnh (*Ārammanaṃ vijāranalakkhanaṃ*).
2. *Phận sự*: Chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở (*Pubbamgamarasaṃ*).
3. *Sự thành tựu*: Sanh diệt nối tiếp nhau, không gián đoạn (*Sandhanapaccupatthānaṃ*).
4. *Nhân cận*: Là Tâm Sở và Sắc Pháp (*Nāma rūpa padatthanaṃ*).

Lại nữa, cần phải biết **Tứ Nhân Sanh Tâm:**

1/ Nghiệp Quá Khứ (Atītakamma): Là những hành động Thiện hay Bất Thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành phần chính được nói đến là Tâm Quả Dị Thục.

***2/ Tâm Sở (Cetasika)*:** Là thành phần phụ thuộc của Tâm. Nhân tố khởi sanh Tâm theo **Tứ Đồng** (đồng sanh, đồng diệt, đồng biết một cảnh và đồng nương một căn với Tâm).

***3/ Cảnh (Ārammana)*:** Là đối tượng của Tâm. Những cái chi được Tâm biết gọi là Cảnh.

***4/ Căn (Vatthu)*:** Là những sắc thần kinh (như sắc thần kinh làm chỗ nương của Tâm Nhãn Thức,v.v), chỗ nương của Tâm Thức.

Như thế, Bậc Chánh Đẳng Giác và tất cả Giáo Sư Chú Giải, Phụ Chú Giải đã đề cập rất nhiều về sự khác biệt và trọng yếu của Tâm, nhưng đặc biệt trong bộ kinh này chỉ trình bày giản lược như sau đây:

"*Diṭṭhaṃ vo bhikkhave caranaṃ nāma cittanti? Evaṃ bhante, tam pi kho bhikkhave caranaṃ cittaṃ citteneva cintitanti tenāpi kho bhikkhave caranena cittena cittanneva cittataranti, nāhaṃ bhikkhave annaṃ ekanikāyampi samanupassāmi, yam evaṃ cittaṃ,yathayidaṃ bhikkhave tiracchānagatā pānā, te pi kho bhikkhave tiracchānagatā pānā citteneva cittigatā, tehi pi kho bhikkhave tiracchānagatehi pānehi cittanneva cittataranti*" (Sampayutta – Pāli).

Này Chư Tỳ Khưu, có thấy sắc hữu tốt đẹp hiện hành phổ truyền khắp mọi nơi chăng? Dạ thấy, bạch Thế Tôn. Này Chư Tỳ Khưu, cho dù sắc hữu tốt đẹp như thế nào là cũng bởi do Tâm nghĩ khởi lên. Này Chư Tỳ Khưu, Tâm là Pháp tốt đẹp hơn cả sắc hữu tốt đẹp này. Chư Tỳ Khưu, tất cả những hạng súc sanh nào có trong thế gian, Như Lai chưa từng thấy những chúng sanh nào khác mà sẽ tốt đẹp giống với những hạng súc sanh này vậy. Chư Tỳ Khưu, những hạng súc sanh mà tốt đẹp đến chừng này là cũng bởi do Tâm vậy, là người làm cho

tốt đẹp. Chư Tỳ Khưu, chính Tâm rất tốt đẹp hơn cả hạng súc sanh. (Tương Ưng - Pàlì).

Cittena nīyate loko *Cittena parikassati*
Cittassa ekadhammassa *Sabbeva vasamanvagū.*
*(*Sampayutta – Pālī*).*

Thiện Tâm thường dẫn chúng sanh đi đến Thiện thú. Bất Thiện Tâm thường lôi kéo chúng sanh đi vào Khổ thú. Tất cả chúng thường hiện hữu và hành động theo mãnh lực từ nơi Tâm. (Tương Ưng – Pàlì)

Cittanānattamāgamma *Nānattam hoti vāyuno*
Vāyunānattato nānā *Hoti kāyassa injanā.*
(Suttanipāta atthakathā)

Tâm Đổng Lực có khả năng làm cho việc đi, đứng, nằm, ngồi được sanh khởi cũng do nương nhờ sự mong cầu của Tâm làm cho nhân ở những hiện hành. Thân thể đang chuyển động, hiện bày những hành động tựa như hình nộm mà có người đang nâng đở lên cũng bởi nương nhờ vào những hiện hành từ nơi Tâm Đổng Lực làm nhân. (Chú Giải Kinh Tập).

Vicittakaranā cittaṃ *Attano cittatāya vā*
Cittakammakilesehi *Cittam tāyati vā tathā*
Cinoti attasantānaṃ *Vicittārammananti.*
(Vibhāvanītīkā)

Gọi là Tâm bởi làm hành động cử chỉ được tốt đẹp (chủ ý về 32 cái Tâm). Hoặc gọi là Tâm bởi do chính thực tính tốt đẹp (chủ ý lấy hết thảy 89 cái Tâm). Gọi là Tâm Quả bởi do Thiện Nghiệp, Bất Thiện Nghiệp và Phiền Não thành người tích lũy. Hoặc gọi là Tâm Quả bởi thường gìn giữ lấy phần thân thể được sanh từ nơi Thiện Nghiệp, Bất Thiện Nghiệp và Phiền Não. Thức nào thường làm cho Uẩn tánh sanh khởi tiếp nối nhau bằng cách không gián đoạn, như thế Thức đó gọi là Tâm (chủ ý lấy Đổng Lực Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế).

Dịch một cách khác,

- Thức nào làm cho tâm tánh ta sanh khởi chuyển tiếp nhau một cách không gián đoạn (chủ ý lấy 47 Đổng Lực Hiệp Thế làm thành Trùng Dụng Duyên),
- Thức nào có cảnh tốt đẹp hoàn hảo, như thế Thức đó gọi là Tâm (chủ ý lấy hết thảy 89 cái Tâm).

Sự diệt mất của Tâm thường hiện hành một cách nhanh chóng thật khó mà tìm kiếm cái chi để so sánh được. Do đó, Đức Phật mới thuyết giảng trong Tăng Chi Tạng Pàlì rằng:

"Yāvancidaṃ bhikkhave uapamā pi na sukarā yāva lahuparivattam cittaṃ. Này Chư Tỳ Khưu, Tâm sanh diệt một cách mau lẹ, với nhân này, thật rất khó khăn để tìm kiếm điều thí dụ để so sánh được."

CETASIKAPARAMATTHA – TÂM SỞ SIÊU LÝ

Cetasika – Tâm Sở, là Pháp mà nương Tâm sanh (*Cittanisittalakkhanaṃ*). Tâm Sở nương vào Tâm mà sanh khởi sẽ khác biệt với cây phải nương nhờ y cứ vào đất mà sanh lên. Bởi vì mặt đất với cây, thì mặt đất là nơi đáng nương ở, còn cây là chỗ đáng để nương sanh. Đối với Tâm và Tâm Sở thì Tâm là nơi y chỉ và Tâm Sở là *tư cụ y chỉ* (hoàn toàn nương đỡ) giống như Thầy và đệ tử. Tất cả cũng vì các Tâm Sở sẽ biết Cảnh được cũng do nương nhờ Tâm làm chủ yếu; khái phóng Tâm đi rồi thì Tâm Sở không thể biết được Cảnh.

Cần ghi nhớ là Tâm Sở cần phải nương vào Tâm mà đặng được sanh thường luôn. Như thế mới đề cập rằng Pháp thể của Tâm Sở thường sanh trong Tâm hoặc thường kết hợp một cách bền vững trong Tâm.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

"Cetasi bhavaṃ = Cetasikaṃ (và) Cetasi niyuttaṃ = Cetasikaṃ. Pháp mà sanh (có) trong Tâm gọi là Tâm Sở. (Hoặc) Pháp mà kết hợp một cách bền vững trong Tâm gọi là Tâm Sở."

Trình bày sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở và Cảnh

Sự hiện hành của cả ba loại: *Tâm, Tâm Sở* và *Cảnh*, tỷ dụ như một hoạ sĩ đang vẽ những hình ảnh lên trên tấm vải. Khi đem so sánh với cả ba loại: *Tâm, Tâm Sở* và *Cảnh* thì Tâm giống như nước hòa hợp với các màu sắc. Tâm Sở giống như các màu sắc. Cảnh là tất cả các vật có sanh mạng và không có sanh mạng giống như tấm vải, cây cọ v.v, tựa như với cả sáu cửa có mắt, tai, v.v. Họa sĩ tựa như tất cả chúng sanh.

RŪPAPARAMATTHA – SẮC SIÊU LÝ

Rūpa - Sắc là Pháp có sự biến đổi, đổi thay, tiêu hoại đi, *(Rūppanalakkhanaṃ)* trong khi tiếp xúc với nhân không phù hợp nhau. Nhân không phù hợp với nhau gọi là Đối nghịch duyên (*Virodhipaccaya*) chẳng hạn

như sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bọ mắt, con mồng, mạt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích,v.v.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

"Sītum hādi virodhipaccayehi ruppatīti = Rūpaṃ. Pháp nào thường đổi thay, tiêu hoại bởi do Đối nghịch duyên có sự nóng, lạnh,v.v, như thế Pháp ấy gọi là Sắc-Rùpa.

NIBBÀNAPARAMATTHA – NÍP BÀN SIÊU LÝ

Nibbāna – Níp Bàn, là Pháp tịch tịnh, lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (*Santilakkhanaṃ*). Việc mà thành như vậy cũng do Níp Bàn là Pháp xa lìa Ái dục một cách tuyệt đối. Do nhân này, tất cả bậc Vô Sinh khi đạt đến Uẩn Níp Bàn, thì tất cả những khổ luân hồi như là sanh, già, đau, chết,v.v, những loại này cũng diệt tận hết thảy, không còn dư sót.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

"Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ (và) Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbànaṃ (và) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ. Pháp nào thường thoát khỏi Ái dục, gọi là Vàna (sự ham muốn) đó là vật kết nối giữa Hữu nhỏ và Hữu lớn cho tiếp nối nhau một cách tuyệt đối, như thế Pháp ấy gọi là Níp Bàn.

(Hoặc) Khổ luân hồi và mọi sự thống khổ khác thường không có trong Níp Bàn."

Do đó, Pháp mà thành sự diệt tắt ở phần khổ luân hồi và những sự thống khổ khác gọi là Níp Bàn. (Hoặc). Tất cả bậc Thánh nhân khi đạt đến Uẩn Níp Bàn thường diệt tắt hết, là bất sanh bất tử, như thế Pháp mà hủy diệt sự tử sanh cho tiêu mất hết gọi là Níp Bàn.

Từ ngữ "*Nibbāna*" khi ngắt từ ra thì được hai từ ngữ là "*Ni + Vāna*" *Ni* - dịch là *thoát lìa*, hay *xuất ra*. *Vāna* - dịch là *Ái* (sự ham muốn).

Khi kết hợp hai từ ngữ vào nhau thành " *Nivāna*" dịch là *thoát khỏi Ái dục*.

Từ ngữ *Nivāna* mà thành *Nibbāna* do hiện hành theo phần văn phạm, là chỉ một chữ V cho thành hai chữ V V (bởi theo trạng thái), hai chữ V V thay đổi thành hai chữ B B, do đó mới thành *Nibbāna*.

CHÌA KHÓA THỨ NHẤT: ***Phân Tích Tâm theo Địa Giới (Bhūmi - Cõi)***